



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH

Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 0988 814 153

E-mail: songxanh468@gmail.com

Website: songxanhvietnam.com

VAN BƯỚM KẸP MẶT BÍCH TAY QUAY

Mã sản phẩm: WBLS - WBGS - FBS

1. MÔ TẢ SẢN PHẨM

Van bướm lá van inox, lá van bằng inox, vòng đệm cao su được đúc trực tiếp trong thân van. Thiết kế mới giúp van hoạt động nhẹ, chống kẹt và có độ bền cao, phù hợp với nhiều loại hệ thống nước.

Van được thiết kế theo dạng đối xứng nhằm giảm mô-men xoắn khi vận hành. Vòng đệm cao su được đúc sẵn trong thân van, giúp đảm bảo độ kín và độ bền cao.

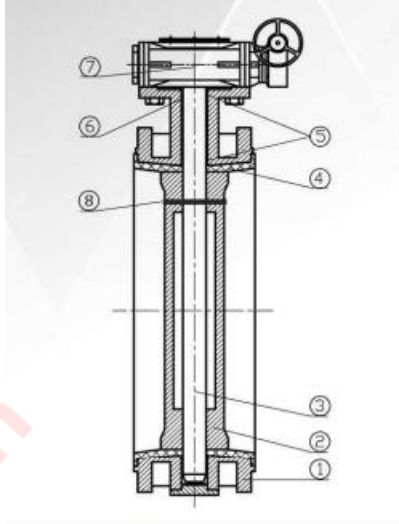
2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT



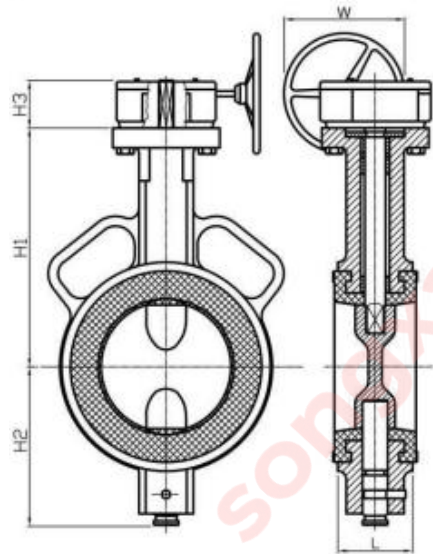
Hạng mục	Thông số
Mã sản phẩm	WBLS - WBGS - FBS
Kích thước	DN50 - DN1200
Tiêu chuẩn thiết kế	BS 5155 / API 609
Tiêu chuẩn khoảng cách 2 mặt bích	ISO 5752 TABLE 1 SERIES 13 ISO 5752 TABLE 1 SERIES 20 BS EN 558-1 TABLE 1 SERIES 13 BS EN 558-1 TABLE 1 SERIES 20 BS 2080 TABLE 1 SERIES 20
Kiểu kết nối	KIỂU KẸP - MẶT BÍCH
Tiêu chuẩn truyền động	ISO 5211
Tiêu chuẩn kết nối và áp suất làm việc	BS 4504 / DIN 2632: PN10, PN16, PN25 JIS B2220: 10K, 16K ASME B16.42: 150LB
Sơn phủ	Loại sơn: EPOXY RESIN POWDER Tiêu chuẩn: JIS K 5551:2002 (TCVN 9014:2011) Màu sắc: XANH - ĐỎ Độ dày: 250µm~300µm
Nhiệt độ làm việc	-10°C ~ 80°C
Môi trường làm việc	HỆ THỐNG NƯỚC / WATER SYSTEMS

3. DANH MỤC VẬT LIỆU / PARTS LIST & MATERIAL

STT	Tên bộ phận	Vật liệu	Mã vật liệu
1	Thân van (Body)	Gang cầu	ASTM A536 / EN GJS 500-7
2	Lá van (Disc)	Thép không gỉ	ASTM A351 CF8/CF8M
3	Trục van (Shaft)	Thép không gỉ	AISI 304/316/420
4	Đệm kín (Seat)	Cao su	NBR/EPDM
5	Bạc lót (Bushing)	Teflon	PTFE
6	Vòng C (C-Ring)	Cao su	NBR/EPDM
7	Bánh răng trục vít (Wormgear)	Gang cầu	ASTM A536 / EN GJS 500-7
8	Chốt (Pin)	Thép không gỉ	ASTM A351 CF8/CF8M



4. KÍCH THƯỚC WBS / WBS (mm)



DN	Model/Mã sản phẩm	H1	H2	H3	L	W
50	WBS-0050	125	72	29	43	150
65	WBS-0065	140	78	29	46	150
80	WBS-0080	145	90	29	46	150
100	WBS-0100	165	102	29	52	150
125	WBS S-0125	178	118	29	56	150
150	WBS-0150	185	164	35	56	150
200	WBS-0200	225	191	35	60	300
250	WBS-0250	257	164	35	68	300
300	WBS-0300	302	230	35	78	300
350	WBS-0350	328	264	45	78	300
400	WBS-0400	360	293	51.2	102	450
450	WBS-0450	400	324	51.2	114	450
500	WBS-0500	460	360	64.2	127	450
600	WBS-0600	540	410	70.2	154	450

* GHI CHÚ KÝ HIỆU KÍCH THƯỚC

Ký hiệu	Ý nghĩa
H1	Chiều cao tổng thể theo bản vẽ
H2	Chiều cao thân van
H3	Kích thước phần truyền động
L	Chiều dài van
W	Kích thước tay quay/bộ truyền động

Lưu ý: Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.